

## LÀNG NAM AN: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ TÍN NGƯỠNG ĐẶC TRƯNG VÙNG BIỂN TRUNG TRUNG BỘ

SOME FORMATION FEATURES OF NAM AN VILLAGE IN THE 17TH CENTURY

*Phan Văn Thiệu*

*Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.*

Email: thieuvan200484@yahoo.com

### TÓM TẮT

Nằm trong bối cảnh quá trình Nam tiến của người Việt, các làng xã người Việt được thành lập ở Đà Nẵng. Làng Nam An nằm bên bờ Đông sông Hàn (Đà Nẵng) được thành lập vào thế kỷ XVII. Sự hình thành của làng Nam An cùng với các làng xã xung quanh đã tạo nên sự phát triển mới cho vùng Đông sông Hàn. Tuy đây không phải là làng thành lập sớm, nhưng Nam An lại mang đậm sắc thái của làng quê vùng ven sông biển ở Đà Nẵng.

**Từ khóa:** làng xã; Nam tiến; tín ngưỡng; Nam An; Đà Nẵng.

### ABSTRACT

Vietnamese villages were formed in the context of the Southward march of some Vietnamese people. Nam An Village was established in the 17<sup>th</sup> century along the banks of Han River in Da Nang Province. The birth of Nam An Village and surrounding villages has created a new development for the Eastern area of Han River. Although Nam An is not the first village here, it's provided with deep characteristics of a riverside or coastal countryside in Da Nang Province.

**Key words:** village; Southward march; belief; Nam An; Da Nang

### 1. Đặt vấn đề

Từ sau thế kỷ XV, quá trình di dân Nam tiến của người Việt được đẩy mạnh, làng xã ở vùng Thuận, Quảng được thành lập ngày càng nhiều. Trong bối cảnh đó, làng xã của người Việt ở Đà Nẵng được hình thành. Quá trình hình thành làng của người Việt ở Đà Nẵng chủ yếu diễn ra trong ba thế kỷ XV, XVI, XVII.

Làng Nam An (nay thuộc phường Thọ Quang và phường Mân Thái, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng) tuy không phải là làng được thành lập sớm ở Đà Nẵng, nhưng đây là làng mang đậm sắc thái cư dân vùng sông biển Đà Nẵng. Đây cũng là làng còn bảo tồn được nhiều di vật, hiện vật quý, phản ánh đời sống văn hóa tinh thần của cư dân nơi đây. Vì vậy, việc tìm hiểu về sự hình thành làng Nam An không những cung cấp tư liệu cho việc tìm hiểu làng xã ở Đà Nẵng, quá trình Nam tiến của người Việt, mà còn góp phần tìm hiểu về sắc thái văn hóa làng quê nơi đây.

### 2. Nội dung

#### 2.1. Bối cảnh lịch sử hình thành làng Nam An

Sau cuộc chiến giữa Đại Việt và Champa năm 1471, quá trình di cư của người

Việt vào vùng đất Thuận Quảng được đẩy mạnh, đất đai được khai phá, các làng xã được thành lập. Đến giữa thế kỷ XVI, Đoàn Quận Công Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa, đã mở đầu cho đợt di dân lớn tiếp theo vào vùng đất Thuận Hóa. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* chép: “Thế rồi nhiều người quê hương ở Tống Sơn và nghĩa dũng ở Thanh Nghệ đều dắt díu gia quyến vui vẻ đi theo Gia Dụ” [8, tr.138]. Sau khi vào trấn thủ Thuận Hóa, Nguyễn Hoàng với chính sự khoan hòa, vỗ về dân chúng đã làm dân yêu mến, tin theo. Nhiều cuộc di dân mới vào vùng đất Thuận Hóa được tiếp nhận. Năm 1570, Nguyễn Hoàng lại tiếp tục được sai kiêm hành chức Thống suất tổng trấn tướng quân hai xứ Thuận Quảng, thay Bùi Tá Hán về trấn giữ Nghệ An [4, tr 49]. Những lưu dân vào đây có thêm vùng đất trù phú, rộng lớn để khai phá, đó là vùng đất Quảng Nam. Vì vậy, các cuộc di dân tiếp tục được đẩy mạnh, làng xóm mọc lên ngày càng nhiều.

Chiến tranh Nam – Bắc triều diễn ra khốc liệt, kéo dài đã làm cho người dân chịu nhiều đau khổ, ly loạn. Trong bối cảnh đó, để tránh chiến tranh, chết chóc nhiều người đã bỏ quê hương ra đi. Thuận Quảng nổi lên là vùng

đất đầy hứa hẹn; ở nơi đó chúa Tiên (tức Nguyễn Hoàng) luôn mở cánh cửa để tiếp nhận những lưu dân mới.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn Trịnh – Nguyễn phân tranh, tù binh họ Nguyễn bắt được cũng được cho vào vùng đất Thăng – Điện (Thăng Hoa, Điện Bàn) khai khẩn. Vì vậy “Từ đó từ Thăng, Điện đến Phú Yên, làng mạc liền nhau” [7, tr 59].

Trong giai đoạn lịch sử này, Đà Nẵng tiếp tục đón nhận nhiều đợt di dân mới, nhiều làng xã được thành lập, trong đó có làng Nam An ở vùng ven sông Hàn.

## 2.2. Sự ra đời của làng Nam An

Làng Nam An được thành lập nằm trên bờ Đông sông Hàn, nay thuộc phường Thọ Quang và phường Mân Thái quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.

Thư tịch sớm nhất viết về làng Nam An đó là *Phủ biên tạp lục*, viết năm 1776. Theo *Phủ biên tạp lục*, làng Nam An thuộc tổng Hà Khúc, huyện Hòa Vang, phủ Điện Bàn, dinh Quảng Nam [4, tr 84].

Vào thời Nguyễn, căn cứ vào địa bạ triều Nguyễn, xã Nam An thuộc tổng An Lưu Hạ, huyện Hòa Vang, phủ Điện Bàn, dinh Quảng Nam được xác định ranh giới:

Đông giáp biển và chân núi.

Tây giáp xã Mân Quang và chân núi.

Nam giáp xã Tân An, xã Cổ Mân, lầy bờ đê làm giới.

Bắc giáp chân núi [5, tr 149].

Theo các nguồn tài liệu địa phương, làng Nam An sau được tách thành hai làng Nam Thọ và Tân An [3]. Tuy nhiên, đối chiếu với địa bạ triều Nguyễn cho thấy vừa có xã Nam An, vừa có xã Tân An. Vì vậy, có thể từ xã Nam An sau được tách ra thành 2 xã: Nam An (xã gốc) và Tân An (xã mới). Sau đó xã Nam An mới đổi thành Nam Thọ. Về thời gian đổi tên từ Nam An sang Nam Thọ, hiện chưa có mốc thời gian chính xác. Dựa vào các sắc phong đang lưu giữ tại đình làng Nam Thọ, tên Nam An vẫn được còn giữ đến muộn nhất là năm Minh Mạng thứ 7 (1826). Khi đó xã Nam An thuộc

huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn, dinh Quảng Nam [9]. Còn tên Nam Thọ, dựa vào các sắc phong cho thấy xuất hiện sớm nhất là năm Thiệu Trị thứ 3 (1843), khi đó xã Nam Thọ thuộc huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn, dinh Quảng Nam [11].

Làng Nam An được thành lập trên các tiểu xứ Bà Mật, Bà Lùng, Cồn Mồi, Vĩnh Vông, Vững Cháp, Nam Sơn. Dựa vào Bộ lập làng của làng Nam An, các gia phả tộc Nguyễn, tộc Trương, các sắc phong và các tài liệu địa phương cho biết làng Nam An có 2 vị tiền hiền: ông Trương Công Bặc, người làng Trung Sơn (nay thuộc phường Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng) đến đây vào năm 1635; ông Nguyễn Hữu Chử (Chò) người làng Cẩm Sa (nay là xã Điện Nam Bắc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam) đến đây vào năm 1648. Cả hai ông Trương Công Bặc và Nguyễn Hữu Chử được triều Nguyễn sắc phong là tiền hiền khai canh. Sắc phong tiền hiền khai canh Nguyễn Hữu Chử, được lưu giữ tại đình làng Nam Thọ ghi: “Sắc: Quảng Nam tỉnh, Hòa Vang huyện, Bình Thái Hạ tổng, Nam Thọ xã phụng sự tiền hiền khai canh Nguyễn Đại Lang chi thần, năm trứ linh ứng. Tứ kim phi thừa cảnh mạng, miến niệm thần hư, trứ phong vi Dực bảo trung hưng linh phò tôn thần, chuẩn kỳ phụng sự. Thứ cơ thần kỳ tướng hựu bảo hộ ngã lê dân. Khâm tai! Khải Định, nhị niên, tam nguyệt, thập bát nhật” [12]. (Dịch là: Sắc: xã Nam Thọ, tổng Bình Thái Hạ, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam thờ phụng thần tiền hiền khai canh Nguyễn Đại Lang, rất linh ứng. Nay trẫm mới lên ngôi tôn, nhớ đến công đức của thần, phong làm Dực bảo trung hưng linh phò tôn thần, đồng thời cho phép địa phương thờ phụng như cũ. Mong thần phù hộ, bảo vệ dân lành của trẫm. Kính thay! Khải Định năm thứ 2, ngày 18 tháng 3).

Còn sắc phong tiền hiền khai canh Trương Công Bặc ghi: “Sắc: Quảng Nam tỉnh, Hòa Vang huyện, Bình Thái Hạ tổng, Nam Thọ xã phụng sự tiền hiền khai canh Trương Đại Lang chi thần, năm trứ linh ứng. Tứ kim phi thừa cảnh mạng, miến niệm thần hư, trứ phong vi Dực bảo trung hưng linh phò tôn thần, chuẩn kỳ phụng sự. Thứ cơ thần kỳ tướng hựu bảo hộ ngã lê dân. Khâm tai! Khải

Định, nhị niên, tam nguyệt, thập bát nhật” [13]. (Dịch là: Sắc: xã Nam Thọ, tổng Bình Thái Hạ, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam thờ phụng thần tiền hiền khai canh Trương Đại Lang, rất linh ứng. Nay trẫm mới lên ngôi tôn, nhớ đến công đức của thần, phong làm Dực bảo trung hưng linh phò tôn thần, đồng thời cho phép địa phương thờ phụng như cũ. Mong thần phù hộ, bảo vệ dân lành của trẫm. Kính thay! Khải Định năm thứ 2, ngày 18 tháng 3).

Như vậy, dựa vào gia phả tộc Nguyễn, tộc Trương, Bộ lập làng của làng Nam An, các sắc phong cho phép kết luận: Làng Nam An do hai ông Trương Công Bặc và Nguyễn Hữu Chừ có công đầu trong việc khai phá, lập làng vào giữa thế kỷ XVII. Hai ông đã cùng cư dân ở đây tổ chức mở rộng đất đai vườn ruộng, khai phá rừng núi, đào mương tháo nước, đắp đường khai dẫn, mở rộng diện tích phân nhau lập ngạch tịch hòa đồng làm ăn sinh sống, cùng dân các họ tộc lập nên làng Nam An.

Theo gia phả tộc Lê Công, vào thời Lê triều Khánh Đức thứ 3 (1651), Triệu Quận Công Lê Công Hào sau khi từ quan ở huyện Ngọc Sơn, phủ Nga Sơn, Thanh Hóa đã xuôi vào Nam, định cư ở chân núi Sơn Trà, cùng các tộc họ ở đây xây dựng làng Nam An [6].

Ngoài các tộc Nguyễn, Trương, Lê Công còn có các dòng họ có mặt ở Nam An sớm như: Nguyễn Văn, Trần, Võ Văn, Phan, Mai Văn, Lê Văn, Trần Văn, Phạm.

Theo bộ lập làng của làng Nam An, vào thời vương triều Lê Chân Tông, hiệu Phước Thái, năm Giáp Thân (1644), các tộc phái trong làng họp và nhất trí cử hai vị họ Trương và họ Nguyễn đứng ra lo mọi việc trong làng. Và 16 năm sau, vào thời vương triều Lê Thần Tông, Duy Kỳ, hiệu Khánh Đức thứ 12, các tộc họ đã họp nhau lại đề nghị thiết lập xã hiệu Nam An [2].

Như vậy, làng Nam An được hình thành và thiết lập xã hiệu vào khoảng thế kỷ XVII, có niên đại gần giống với các làng xung quanh như: Nại Hiên Đông, Mân Quan... Sự ra đời của làng Nam An cùng với các làng xã khác trong vùng đánh dấu quá trình khai phá bờ Đông sông Hàn đã được hoàn thành.

### 2.3. Đời sống tín ngưỡng của cư dân làng Nam An

Tuy được thành lập muộn, nhưng làng Nam An còn lưu giữ khá nhiều di tích, di vật thể hiện tín ngưỡng của làng quê vùng ven sông biển Đà Nẵng.

Về đình làng, làng Nam An hiện còn lưu lại ngôi đình khá nguyên vẹn. Đình làng Nam Thọ (làng Nam An cũ) nay thuộc khối Thọ An, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà. Theo tài liệu địa phương, ngôi đình xây dựng đầu tiên được lợp bằng tranh, xây dựng dựa trên sự đóng góp của nhân dân trong làng. Đến năm 1714, đình được xây dựng lại tại Trảng Giải Cây Me ở chân núi Sơn Trà. Đến năm 1720, ngôi đình được chuyển về Vũng Cháp [15]. Đình được xây dựng theo cấu trúc 3 gian, 2 chái, bao gồm 3 phần: tiền đình, chính điện và hậu tẩm. Phần chính điện dài 5,6m; rộng 8m. Hai bên tả hữu có bài vị thờ tiền hiền. Phần hậu tẩm dài 7,65m; rộng 3,2m. Bàn thờ chính giữa thờ Thành hoàng, bên cạnh là hộp đựng sắc phong. Phía trước sân đình đối diện với cửa vào là bình phong cao 2,4m; rộng 3,2m; dày 0,3m. Trên nóc hậu tẩm có trang trí hình “lưỡng long châu nguyệt” [15].

Cũng như những ngôi đình khác, đình làng Nam Thọ là nơi diễn ra các hoạt động sinh hoạt văn hóa của cư dân trong làng, trong đó ngày 2 tháng 6 (âm lịch) hằng năm là ngày kỷ niệm thành lập làng; ngày 1 tháng 11 hằng năm (âm lịch) là ngày giỗ tiền hiền. Ngoài ra, đình làng Nam Thọ còn là nơi bảo quản các di vật của làng, trong đó đáng chú ý nhất là bộ 35 sắc phong được ban tặng cho làng dưới triều Nguyễn.

Bên cạnh đó, cư dân làng Nam An còn có tục lệ thờ cá Ông. Những nơi có lăng thờ cá Ông thường gắn liền với nghề đánh cá trên biển như ở các làng: An Hải, Mân Quan, Mỹ Khê, Nam An. Hiện nay phường Mân Thái, quận Sơn Trà (một phần của làng Nam An cũ) còn có lễ hội cầu ngư. Cá Ông còn nhận được sắc phong thần của nhà vua. Sắc phong của vua Duy Tân ban vào năm Duy Tân thứ 5 (1911), ngày 8 tháng 6 (lưu tại đình làng Nam Thọ) ghi: “Sắc: Quảng Nam tỉnh, Hòa Vang huyện, Nam Thọ xã phụng sự Đức Ngư Ông chi thần hộ quốc tỵ dân nẫm trú linh ứng...” [14] (Dịch là: sắc cho xã

Nam Thọ, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam thờ phụng thần Đức Ngự Ông bảo vệ đất nước, che chở dân lành, rất linh ứng).

Ngoài ra, vùng ven sông Hàn là khu vực sinh sống cũ của người Chăm nên ở đây một số tín ngưỡng văn hóa Chăm vẫn được bảo lưu. Nhiều vị thần có nguồn gốc Chăm được nhân dân tôn thờ và được triều đình ban sắc phong như Thiên Y A Na. Sắc do vua Minh Mạng ban vào năm Minh Mạng thứ 7, ngày 17 tháng 9, phong thần cho Thiên Y A Na, được lưu giữ tại đình làng Nam Thọ ghi: “Sắc diện Thiên Y A Na Diên Ngọc Phi Chủ Ngọc tôn thần hộ quốc tỵ dân hiền hữu công đức. Kinh hữu xã dân phụng sự. Phụng ngã Thế Tổ Cao Hoàng Đế thống nhất hải vũ khánh bị thần nhân. Tứ kim quang thiệu hồng đồ miến niệm thần huu, nghi long hiền hiệu. Khả gia tặng Hồng nhơn thổ tế linh cảm thượng đẳng thần, nhưng chuẩn hứa Diên Phúc huyện, Nam An xã, y cựu phụng sự. Thần kỳ tướng hựu bảo ngã lê dân. Khâm tai! Minh Mạng thất niên, cử nguyệt, thập thất nhật” [9]. (Dịch là: Sắc diện: tôn thần Thiên Y A Na Diên Ngọc Phi bảo vệ đất nước, che chở dân lành có công đức hiệu nghiệm. Từng được xã dân phụng thờ. Đến khi vua Thế Tổ Cao Hoàng Đế của ta thống nhất giang sơn, ban ơn khắp thần người. Nay trẫm lên ngôi tôn, nhớ đến công đức của thần, cần phải ban tặng danh hiệu vinh hiển. Vậy gia tặng thần làm Hồng nhơn thổ tế linh cảm thượng đẳng thần, đồng thời chấp thuận xã Nam An, huyện Diên Phúc thờ phụng như cũ. Mong thần phù hộ, che chở dân lành của trẫm. Kính thay! Minh Mạng năm thứ 7 (1826), ngày 17 tháng 9).

Bên cạnh đó, cư dân làng Nam An còn có tín ngưỡng thờ các vị thần khác như: Đại Càn Quốc Gia Nam Hải tứ vị thượng đẳng thần, Cao Cát Quán Độ tôn thần, quan Thánh Đế Quân bảo hộ, Thành hoàng, Ngũ Hành Tiên Vương, Tứ Dương Linh Trạc tôn thần, Bích Sơn Trợ Thủy tôn thần, Thủy Long thần nữ, Giác Hải Đạt Ma, Dương Phi phu nhân, Thổ Địa chánh thần, Phi Vận tướng quân... Về vị Phi Vận tướng quân, sách *Ô châu cận lục* viết về ông như sau:

Đền thờ Tùng Giang: Đền thờ tại cửa biển

Tư Khách, huyện Tư Vinh và tại cửa biển Đà Nẵng, xứ Quảng Nam. Thần họ Nguyễn, tên Phục, người làng Đoan Tùng huyện Gia Phúc. Khoa Quý Dậu (1453) niên hiệu Đại Hòa, đỗ tiến sĩ đệ tam danh làm quan tới chức chuyển vận sứ, Hành khiển đạo Thanh Hoa, khi Lê Thánh Tông chưa lên ngôi, ông từng làm thầy dạy học cho vua. Đến khi lên ngôi, cử ông làm chương viện Hàn lâm. Ba lần đi sứ phương Bắc, trở về làm Đại lý tự khanh, thẩm xét việc kiện cáo trong nước. Lại được cử làm hữu tham nghị trông coi việc binh chính. Rồi thăng làm thêm sự đô chỉ huy sứ vệ Cẩm Y ty thân quân. Khi vua đi đánh Chiêm Thành, ông giữ chức Phi Vận tướng quân, tán lý đội chuyên thân. Đến cửa biển Tư Khách thì gặp gió biển dấy mạnh, hải trình rất gian khổ. Quân lính sợ mắc tội cứ gắng chèo. Ông bảo thà để một thân chịu tội chặt đầu, há để chỗ thóc này vùi xuống biển và binh lính vô tội làm mồi cho cá sao (nên cho thuyền neo lại). Vì thế quân lương bị thiếu. Vua giận vì đến trễ kỳ hạn, sai bắt giam. Bọn cung nhân và cận thần dèm pha với vua xin giết đi. Đến lúc vua hiểu ra, truyền chỉ tha tội thì ông đã bị chém rồi. Từ đó thường linh ứng. Dân địa phương dựng đền thờ ông [1, tr 97].

Sắc phong ban vào năm Minh Mạng thứ 7, ngày 17 tháng 9, phong thần cho Phi Vận tướng quân, được lưu giữ tại đình làng Nam Thọ viết: “Sắc: Kỳ Mùi khoa Tiến sĩ Phi Vận tướng quân Tùng Giang Văn Trung tôn thần hộ quốc tỵ dân hiền hữu công đức. Kinh hữu xã dân phụng sự. Phụng ngã Thế Tổ Cao Hoàng Đế thống nhất hải vũ khánh bị thần nhân. Tứ kim quang thiệu hồng đồ miến niệm thần huu, nghi long hiền hiệu. Khả gia tặng Hiền Văn Chiêu tiết trung đẳng thần, nhưng chuẩn hứa Diên Phúc huyện, Nam An xã, y cựu phụng sự. Thần kỳ tướng hựu bảo ngã lê dân. Khâm tai! Minh Mạng thất niên, cử nguyệt, thập thất nhật” [10]. (Dịch là: Sắc: tôn thần Tùng Giang Văn Trung Kỳ Mùi khoa Tiến sĩ Phi Vận tướng quân bảo vệ đất nước, che chở dân lành có công đức hiệu nghiệm. Từng được xã dân phụng thờ. Đến khi vua Thế Tổ Cao Hoàng Đế của ta thống nhất giang sơn, ban ơn khắp thần người. Nay trẫm lên ngôi tôn, nhớ đến công đức của thần, cần phải ban tặng danh hiệu vinh hiển. Vậy gia tặng thần làm Hiền Văn Chiêu

Tiết trung đấng thần, đồng thời chấp thuận xã Nam An, huyện Diên Phúc thờ phụng như cũ. Mong thần phù hộ, che chở dân lành của trăm. Kính thay! Minh Mạng năm thứ 7, ngày 17 tháng 9).

Dựa vào sắc phong cùng các tài liệu liên quan cho thấy Phi Vận tướng quân chính là Nguyễn Phục- một quan chức có nhiều công trạng dưới triều Lê; khi mất được dân các làng xã ven biển ở miền Trung trong đó có xã Nam An thờ ông như là một vị thần biển.

Như vậy, về tín ngưỡng, cư dân làng Nam An có sự phong phú về các loại hình tín ngưỡng bao gồm tín ngưỡng của người Việt, tín ngưỡng của người Chăm, tín ngưỡng của cư dân miền biển. Trong đó nổi bật là sự kết hợp tín ngưỡng của người Việt với người Chăm, tạo nên sắc thái văn hóa riêng của cư dân vùng Trung Trung Bộ.

### 3. Kết luận

Cùng với sự hình thành các làng xã khác ở

vùng ven sông Hàn, vào thế kỷ XVII, làng Nam An được thành lập. Sự hình thành làng Nam An cũng tuân theo những đặc điểm về sự hình thành làng xã ở trong vùng, đó là làng được thành lập gắn liền với quá trình di dân Nam tiến của người Việt; mỗi làng thành lập thường gắn với công trạng của các bậc tiền hiền.

Sự hình thành làng Nam An cùng với các làng xã khác trong vùng đánh dấu quá trình khai phá vùng bờ Đông sông Hàn đã được hoàn tất, tạo điều kiện cho sự phát triển tiếp theo của vùng. Bên cạnh đó, cư dân làng Nam An còn có đời sống tín ngưỡng khá phong phú. Đời sống tín ngưỡng cư dân làng Nam An có sự giao thoa giữa tín ngưỡng của người Việt và người Chăm, đồng thời thể hiện sắc thái của cư dân miền sông biển. Điều này tạo nên sự khác biệt về đặc điểm của làng xã ở Đà Nẵng nói riêng, vùng Trung Trung Bộ nói chung so với các làng xã khác trong cả nước.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Dương Văn An (2001), *Ô châu cận lục*, Nhà xuất bản Thuận Hóa, Huế.
- [2] Bản dịch Nguyễn Văn Đường, *Bộ lập làng của làng Nam An*, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng.
- [3] Đảng bộ phường Thọ Quang (2005), *Lịch sử đấu tranh cách mạng phường Thọ Quang (1930-1975)*, Nhà xuất bản Đà Nẵng.
- [4] Lê Quý Đôn (1962), *Phủ biên tạp lục*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Đình Đầu (2010), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn dinh Quảng Nam I (tỉnh Quảng Nam – TP Đà Nẵng)*, Nhà xuất bản Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- [6] Phạm Ngô Minh- Lê Duy Anh (2001), *Nhân vật họ Lê trong lịch sử Việt Nam*, Nhà xuất bản Đà Nẵng.
- [7] Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam thực lục*, tập I, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
- [8] Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập II, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
- [9] *Sắc diện Thiên YA Na Diễn Ngọc Phi chủ tôn thần*, Minh Mạng, thất niên, cửu nguyệt, thập thất nhật.
- [10] *Sắc Kỳ Mùi khoa Tiến sĩ Phi Vận tướng quân*, Minh Mạng, thất niên, cửu nguyệt, thập thất nhật.
- [11] *Sắc Đại càn Quốc gia Nam Hải tứ vị Thánh Nương hộ quốc tỵ dân*, Thiệu Trị, tam niên, tứ nguyệt, thập nhị nhật.
- [12] *Sắc Quảng Nam tỉnh, Hòa Vang huyện, Nam Thọ xã phụng sự tiền hiền khai canh Nguyễn Đại Lang chi thần*, Khải Định, nhị niên, tam nguyệt, thập bát nhật.
- [13] *Sắc Quảng Nam tỉnh, Hòa Vang huyện, Nam Thọ xã phụng sự tiền hiền khai canh Trương Đại Lang chi thần*, Khải Định, nhị niên, tam nguyệt, thập bát nhật.
- [14] *Sắc Quảng Nam tỉnh, Hòa Vang huyện, Nam Thọ xã phụng sự đức Ngư Ông, Duy Tân, ngũ niên, nhuận lục nguyệt, sơ bát nhật*.
- [15] *Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Đà Nẵng (2009), Hồ sơ di tích đình Nam Thọ, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng*.